

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc bài thơ:

NHỮNG CÁNH ĐỒNG MÙA THU

Những cánh đồng mùa thu
Con chim chào mào ăn rồi nhả hạt
Những bông lúa cầu vồng vươn vút mắt
Lo âu bàn tay đợi hạt vuông tròn
Những cánh đồng vàng hơn mỗi hoàng
hôn
Màu no ấm hoà trong màu trời đất
Phù sa đỏ sông nước ngọt lòng như mật
Thì thầm khua bến nước, chiếc thuyền
xuôi

Những cánh đồng cô đơn ngủ lịm giữa
tháng mười
Khi hạt lúa bồi hồi phoir mình trên sân
gạch
Gió đi qua vùng nắng xối đập vào chân
bức vách
Kể về tháng ngày xa cùng những nỗi nhọc nhằn
Bề bộn mây trời bầm lên màu trở trần
Nói giản dị lời yêu mặt đất
Ôi tháng mười lo toan và tất bật
Cứ đến rồi đi, goá bụa những cánh đồng.

(Tập thơ *Chỉ em và chiếc bình pha lê biết*, Bình Nguyên Trang, NXB Hội Nhà Văn. 2003, tr. 30-31)

***Chú thích:**

- Tác giả Bình Nguyên Trang tên thật là Vũ Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 17/5/1977, quê ở Hải Hậu, Nam Định, hiện đang làm việc tại báo Công An, là hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam.
- Thơ chị ý vị, đậm chất nữ tính, nhạy cảm và tinh tế, tinh khôi mà da diết nỗi đời, nỗi người.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ.

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong hai dòng thơ sau:

Những cánh đồng cô đơn ngủ lịm giữa tháng mười

Khi hạt lúa bồi hồi phoir mình trên sân gạch

Câu 4. Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh *Những cánh đồng mùa thu*

Câu 5. Từ cảm xúc về mùa thu của nhân vật trữ tình trong bài thơ trên, hãy chia sẻ cảm xúc của bản thân về mùa thu nơi em đang sống (trình bày khoảng 4- 6 dòng).

II. VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của tuổi trẻ đối với quê hương đất nước.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) so sánh, đánh giá **cảm hứng về mùa thu** của bài thơ *Những Cánh Đồng Mùa Thu* ở phần đọc hiểu trên và bài thơ sau:

CHIỀU THU QUÊ HƯƠNG

Chiều thu trong, lá trúc vờn đẹp quá.

Lá mía xanh nhưng quạt vào mái rạ

Tiếng lao xao như ai ngã nón chào.

Hoa mướp cuối mùa vàng rực như sao,

Vòng khoai lang xoè lá ra nằm sười

Cùng với gà mẹ xoè cánh ấp con.

Ở trước sân nhà mấy đống gạch son,

Hố vôi trắng nằm đợi ngày xây dựng.

*Giếng trong leo, trời xanh in thăm
thăm.*

*Chiều thu quê hương sao mà đắm
thắm!*

*Tôi bước giữa vườn, bạn với hàng cau
Hút nắng tơ vàng như những đài cao
Đứng lỏng lẻo, thu tiếng chiều vàng
rơi.*

*Trời thu trong em bé cười má ửng;
Như cây sai mẹ đứng giữa chùm con.*

*Chiều thu vàng vàng rực cả tâm hồn
Của đất nước đang bồi da thắm thịt.*

*Gió biển mặn thổi về đây tha thiết;
Những con chim phơi phới cánh, chiều
thu*

Náo nức như triều, êm ả như ru...

Cầm Phả, 9/1958

(Trích *Trời mỗi ngày lại sáng*, Huy
Cận, NXB Văn học, 1958, tr.79)

*** Chú thích:**

- Giữa năm 1958, Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ kết quả của chuyến đi này, hồn thơ Huy Cận nảy nở, dồi dào trong cảm hứng về quê hương, đất nước, về lao động và niềm vui xây dựng cuộc sống mới.
- Huy Cận sáng tác *Chiều thu quê hương* năm 1958, khi miền Bắc đã sạch bóng quân thù.

.....**HẾT**.....

ĐÁP ÁN-HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KTDGCKI NGỮ VĂN 12. NH 2024-2025

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Số chữ trong các dòng thơ không bằng nhau là dấu hiệu để xác định thể thơ tự do của đoạn trích.	0,5
	2	Nhân vật trữ tình là chủ thể ẩn- có thể là tác giả.	0,5
	3	- Chỉ ra từ, cụm từ có phép tu từ nhân hóa: cánh đồng cô đơn, ngũ lịm; hạt lúa bồi hồi, phơi mình (0,25 điểm) - Tác dụng: + Khắc họa/gợi tả sinh động trạng thái, vẻ đẹp của cánh đồng, hạt lúa (0,5 điểm) <i>Hs nêu được từ: khắc họa/gợi tả... ghi 0,25 điểm, nêu được vẻ sau ghi 0,25 điểm</i> + Giúp câu thơ, đoạn thơ trở nên sinh động, giàu hình ảnh, giàu giá trị biểu cảm. (0,25 điểm)	1.0
	4	Hình ảnh biểu tượng “ <i>những cánh đồng mùa thu</i> ”: biểu tượng cho bức tranh thiên nhiên, cuộc sống sinh động; cho thành quả ngọt ngào sau những tháng ngày vất vả, gian lao <i>HS nêu được: 01 ý ghi 0,25 điểm, 02 ý ghi 0,5 điểm, 03 ý trở lên ghi 1,0 điểm</i>	1.0
	5	Hs biết chia sẻ cảm xúc về mùa thu nơi mình sống: Biết bộc lộ cảm xúc trước thiên nhiên, cuộc sống một cách cụ thể. <i>HS nêu được: 01 ý ghi 0,25 điểm, 02 ý ghi 0,5 điểm, 03 ý trở lên ghi 1,0 điểm.</i>	1.0
II		VIẾT	2.0
	1	Viết một đoạn văn nghị luận(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của tuổi trẻ đối với quê hương đất nước.	
		<i>a.Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn.Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Trách nhiệm của tuổi trẻ đối với quê hương, đất nước. - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.</i>	0,25
		<i>c.Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Trách nhiệm với quê hương đất nước là những việc làm, hành động thể hiện tình yêu quê hương đất nước. - Có trách nhiệm với quê hương giúp cho tuổi trẻ có tính tự giác,đoàn kết, đẩy xa cái tôi cá nhân nhỏ nhen của bản thân để có cơ hội được phát triển nhiều mặt - Để có trách nhiệm với quê hương đất nước tuổi trẻ cần có tình yêu, niềm tự hào, sự biết ơn,...đối với quê hương, đất nước. Tích cực học tập, rèn luyện bản thân để cống hiến tài năng cho đất nước.</i>	1.0
		<i>d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu</i>	0,25

		<i>trong đoạn văn</i>	
		<i>e. Sáng tạo.</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25
	2	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) so sánh, đánh giá cảm hứng về mùa thu của bài thơ Những Cánh Đồng Mùa Thu và Chiều Thu Quê Hương	4.0
		<i>a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận</i> Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 500) chữ của bài văn.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> So sánh, đánh giá cảm hứng mùa thu ở hai bài thơ Những Cánh Đồng mùa Thu và Chiều Thu Quê Hương	0,5
		<i>c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu</i> Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng, trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: *Mở bài (0,5 điểm) - Giới thiệu ngắn gọn về 2 tác giả, hai bài thơ và cảm hứng về mùa thu trong hai bài thơ được xác định là đối tượng so sánh. (0,25 điểm) HS nêu khái quát được 2 ý trên mỗi ghi điểm - Nêu cơ sở lựa chọn để so sánh: Cả hai bài thơ đều viết về mùa thu là một đề tài quen thuộc và giàu cảm xúc trong thơ ca Việt Nam. Các tác giả thường bộc lộ cảm xúc mùa thu để gửi gắm những tình cảm sâu sắc về gia đình, quê hương. (0,25 điểm) *Thân bài - So sánh, đánh giá cảm hứng mùa thu của hai bài thơ + Sự tương đồng . Nội dung: Ở hai bài thơ, cả hai tác giả đều bộc lộ sự nhạy cảm, cảm xúc băng khuâng, xúc động, gắn bó sâu sắc, tự hào trước mùa thu quê hương với vẻ đẹp tươi sáng, yên bình, sự hòa quyện giữa thiên nhiên và con người, tràn đầy sức sống của mùa thu (<i>Những bông lúa cầu vồng, những cánh đồng vàng, phù sa đỏ, nắng xối... trong bài Những Cánh Đồng Mùa Thu và lá trúc vờn, lá mía xanh, hoa mướp vàng rực, nắng tơ vàng, vồng khoai lang, trời thu trong, chiều thu vàng, những con chim phơi phới cánh... trong bài Chiều Thu Quê Hương</i> (0,25 điểm) . Nghệ thuật: Đề bộc lộ cảm xúc trước mùa thu cả hai bài thơ đều gọi tả vẻ đẹp của mùa thu qua những hình ảnh thơ giản dị, quen thuộc nhưng giàu hình ảnh, giàu sức gợi và những gam màu thu đặc trưng (xanh, vàng). Sử dụng linh hoạt các phép tu từ nhân hóa, so sánh, ẩn dụ. (0,25 điểm) + Sự khác biệt . Nội dung: Những cảm xúc trong bài <i>Những Cánh Đồng mùa thu</i> trải rộng từ sự vui vẻ, hạnh phúc khi nhìn thấy mùa màng bội thu đến những nỗi niềm trăn trở, lo toan của người nông dân. " <i>Lo âu bàn tay đợi hạt vuông tròn</i> ", " <i>Ôi tháng mười lo toan và tất bật</i> ". Chiều Thu Quê Hương là niềm xao xuyến, tự hào, kiêu hãnh của Huy Cận trước vẻ đẹp của quê hương trong chiều thu (0,25 điểm) HS nêu được sự khác nhau về nội dung trong cách bộc lộ	2,5

	cảm hứng về mùa thu của 1 trong 2 bài ghi 0,25 điểm . Nghệ thuật: Những Cánh Đồng mùa thu thuộc thơ tự do, sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ và biểu tượng để truyền tải những thông điệp sâu sắc. Mùa thu là khoảnh khắc để tác giả trải lòng thanh thản, để dừng lại, suy ngẫm và trân trọng những giá trị giản dị trong cuộc sống. <i>Chiều Thu Quê Hương</i> thuộc thể thơ 8 chữ, sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, bộc lộ cái tôi của Huy Cận về niềm tự hào, kiêu hãnh của vẻ đẹp quê hương trong giai đoạn hồi sinh sau chiến tranh.(0,25 điểm) HS nêu được sự khác nhau về nghệ thuật trong cách bộc lộ cảm hứng về mùa thu của 1 trong 2 bài ghi 0,25 điểm - Lý giải sự tương đồng, khác biệt + Tương đồng: Mùa thu là cảm hứng muôn đời của thi nhân, thu đẹp thường đánh thức sự rung động sâu xa. Cả hai tâm hồn đều tha thiết yêu màu thu và yêu thiên nhiên, đất nước.(0,25 điểm) + Khác biệt: Mỗi nhà thơ thuộc về thời đại khác nhau. Huy Cận đem nỗi xao xuyến, niềm tự hào, kiêu hãnh về vẻ đẹp của quê hương chiều thu trong thời kì đất nước xây dựng cuộc sống mới, sau chiến tranh chống Pháp, Bình Nguyên Trang nhìn mùa thu bằng con mắt của một nhà thơ đương đại tràn đầy niềm vui, sự tin tưởng vào tương lai no ấm, giàu mạnh và cả những lo âu cuộc sống(0,25 điểm) - Đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ từ nội dung so sánh (0,25 điểm) Mỗi áng thơ đều mang vẻ đẹp riêng đó là minh chứng của tài năng nghệ thuật, cùng góp phần làm giàu thêm nền văn học dân tộc, khẳng định sức sống mãnh liệt của thơ ca về đề tài mùa thu. HS nêu được 01 ý trong những ý trên ghi 0,25 điểm *Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá.(0,25 điểm) Qua việc so sánh, đánh giá cảm hứng về mùa thu ở hai bài thơ trên, người đọc cảm nhận được tình yêu tha thiết của hai thi nhân đối với mùa thu, vẻ đẹp của mùa thu trong thơ ca, từ đó càng tự hào và sống có trách nhiệm với quê hương đất nước. Lưu ý: - HS chỉ viết chung chung về nội dung hai bài thơ mà không làm theo yêu cầu của đề chỉ ghi điểm tối đa không quá 0,5 điểm	
	d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
	e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

**BẢN NĂNG LỰC- TƯ DUY VÀ MÔ TẢ ĐỀ ĐGCK I NGỮ VĂN 12. NĂM
HỌC 2024-2025**

TT	Kỹ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức		Mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu	Đọc hiểu văn bản		2	2	1	5
		Tỉ lệ		10%	20%	10%	40%
2	Viết	1	Viết 1 đoạn nghị luận văn học (khoảng 200 chữ)			1	1
		Tỉ lệ		5%	10%	5%	20%
		2	Viết 1 bài văn nghị luận xã hội (khoảng 500 chữ)			1	1
		Tỉ lệ		25%	10%	5%	40%
Tổng				2	2	1	
				40%	40%	20%	100%

II. Bản đặc tả

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1.	Đọc hiểu	1. Một tác phẩm THƠ	Nhận biết: - Nhận biết dấu hiệu thể thơ - Xác định được nhân vật trữ tình trong bài thơ Thông hiểu: - Hiểu được tác dụng của phép tu từ. Vận dụng: Biết bày tỏ ý kiến sau khi đọc một bài thơ	Theo ma trận ở trên.				
2.	Viết	1. Viết một đoạn văn nghị luận xã hội	Nhận biết: - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một đoạn văn bản nghị luận. - Xác định đúng vấn đề nghị luận Thông hiểu: - Triển khai được vấn đề nghị luận					

			- Trình bày rõ quan điểm của bản thân qua việc giải thích, bình luận vấn đề nghị luận. Cấu trúc đoạn văn chặt chẽ, sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: Vận dụng hiệu quả kiến thức tiếng Việt, để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết..		
		2. Viết một bài văn nghị luận văn học So sánh, đánh giá hai bài thơ/ đoạn thơ.	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một bài văn nghị luận văn học. - Giới thiệu được vấn đề nghị luận - Xác định đúng vấn đề nghị luận Thông hiểu: - Trình bày được vấn đề cần triển khai theo yêu cầu của đề bài. Nêu và nhận xét đánh giá được vấn đề đặt ra. thể hiện rõ quan điểm của bản thân. Cấu trúc chặt chẽ, sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. Vận dụng:		

			- Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.		
--	--	--	--	--	--